

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 3 – 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Chí Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số B, tổ A, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm L: Ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981 – Luật sư của Chi nhánh Công ty L1 - T, Đoàn Luật sư thành phố C.

Địa chỉ: Số D, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1989.

Địa chỉ HKTT: Ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số G, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Phan Thị Cẩm L, Luật sư Bùi Quốc N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; anh Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2024, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải, nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thanh P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do tìm hiểu, quen biết được hơn 01 năm và có tổ chức đám cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 02/02/2017. Từ năm 2017 đến năm 2021 thì vợ chồng đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương, trong thời gian này thì anh P có khi về làm thuê cho vợ chồng chị Phan Thị Thu T, anh Nguyễn Thành T1 tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống thì đến năm 2020 chị L và anh P phát sinh mâu thuẫn, do anh P thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, ăn nhậu, khi về nhà có đánh đập tay chị L 01 lần (khi chị L đang có thai được 06 tháng), chị L có trao đổi với anh P nhiều lần, nhưng anh P không thay đổi. Sau khi chị L sinh con thì đến cuối năm 2021 anh P không quan tâm, nói chuyện với chị L. Anh P chơi bời gây nợ nần nên cuối năm 2021 chị T, anh T1 kêu anh P về làm thuê tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để có thu nhập, còn chị L thì sống với con tại nhà cha mẹ chị L tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Nên từ cuối năm 2021 đến nay thì vợ chồng sống ly thân mà không hàn gắn được, do chị L và anh P đều không có ý định hàn gắn với nhau; gia đình hai bên cũng khuyên bảo mà không được. Nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh P.

Về con chung: Chị Phan Thị Cẩm L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phan Quỳnh A, sinh ngày 12/4/2021 và không yêu cầu anh Nguyễn Thanh P cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thanh P:* Anh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh P vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh P đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu của chị Phan Thị Cẩm L. Về hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phan Quỳnh A, sinh ngày 12/4/2021 cho chị L được quyền trực tiếp nuôi, anh P không phải cấp dưỡng cho con do chị L không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao).
- Giấy khai sinh con chung Nguyễn Phan Quỳnh Anh (Bản sao).
- Bản tự khai ngày 15/6/2024 của chị Phan Thị Cẩm L; Bản tự khai ngày 06/01/2025 của chị Phan Thị Cẩm L; Bản tự khai ngày 24/02/2025 của chị Phan Thị Cẩm L (Bản chính).
- Tờ tường trình ngày 06/8/2024 của bà Phùng Thị Á (Bản chính).
- Biên bản về việc xác minh nơi cư trú của anh Nguyễn Thanh P ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình (Bản chính).
- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 24/02/2025 của chị Phan Thị Cẩm L (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh P đang sinh sống, cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm L là Luật sư Bùi Quốc N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, Luật sư N, anh P theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng

cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh P; anh P không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của chị L.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L xác định trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2021 thì anh chị sống ly thân đến nay mà không hàn gắn được. Nay chị L không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu ly hôn với anh P.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Từ trình bày của chị L cho thấy chị L và anh P đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng về việc thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chị L yêu cầu ly hôn với anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị L xác định chị L và anh P có con chung tên Nguyễn Phan Quỳnh A, sinh ngày 12/4/2021. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con. Anh P không cung cấp cho Tòa án ý kiến, yêu cầu đối với con chung.

Xét thấy, chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A từ khi chị L và anh P ly thân đến nay, chị L đã làm tròn nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quỳnh A.

Khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Quỳnh A như đã phân tích, xét thấy không cần thiết làm thay đổi hoàn cảnh sống ổn định của cháu Quỳnh A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Quỳnh A của chị L, là phù hợp theo quy định của pháp luật; anh P không phải cấp dưỡng cho con do chị L không có yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Cẩm L không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Nguyễn Thanh P không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Cẩm L.

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phan Quỳnh A, sinh ngày 12/4/2021 cho chị Phan Thị Cẩm L được quyền trực tiếp nuôi. Anh Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng cho con do chị Phan Thị Cẩm L không có yêu cầu anh Nguyễn Thanh P cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Thanh P không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì chị Phan Thị Cẩm L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Nguyễn Thanh P.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Cẩm L và anh Nguyễn Thanh P không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Cẩm L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007560 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Như vậy, chị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Đăng ký kết hôn số 08, ngày 02/02/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang